



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG
KHOA KINH TẾ VÀ KINH DOANH QUỐC TẾ
CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Chương 1: Giới thiệu chung về SHTT




TS Lê Thị Thu Hà

LA PROPRIÉTÉ
INTELLECTUELLE.

Phân bổ thời gian

☞ - Lý thuyết:	25 giờ
☞ - Thảo luận:	20 giờ
☞ - Bài tập nhóm:	20 giờ
☞ - SV tự nghiên cứu và làm tiểu luận:	90 giờ
☞ - Tổng số:	45 giờ tín chỉ




Lê Thị Thu Hà - FTU

2

Tài liệu tham khảo

- ✓ Cẩm nang Sở hữu trí tuệ - Cục SHTT, 2005
- ✓ Sở hữu trí tuệ - Một công cụ đắc lực để phát triển kinh tế - Cục SHTT, 2005
- ✓ Lợi ích kinh tế xã hội của Sở hữu trí tuệ ở các nước đang phát triển - Cục SHTT, 2005
- ✓ Quyền Sở hữu trí tuệ - Lê Nết, NXB ĐH Quốc gia Tp HCM, 2006
- ✓ Luật SHTT Việt Nam, ĐH Luật – NXB Công An
- ✓ Fundamentals of Intellectual Property: cases and materials, **Thomas G Fied**, Franklin Pierce Law Center
- ✓ Các trang web của Cục SHTT, WIPO...




Lê Thị Thu Hà - FTU

3

Đề cương môn học

- ☞ Chương 1: Tổng quan về SHTT trong TMQT (5h)
- ☞ Chương 2: Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong kinh doanh quốc tế (20h)
- ☞ Chương 3: Một số vấn đề của SHTT trong thương mại quốc tế (15h)




Lê Thị Thu Hà - FTU

4

Nội dung chương 1

- 1.1. Khái quát các lĩnh vực của quyền SHTT
- 1.2. Sự cần thiết bảo hộ quyền SHTT
- 1.3. Lịch sử phát triển của quyền SHTT
- 1.4. Vai trò của quyền SHTT.
- 1.5. Hệ thống pháp luật về SHTT




Lê Thị Thu Hà - FTU

5

Câu hỏi thảo luận chương 1

- ☞ Sự khác nhau giữa Quyền SHCN và Quyền tác giả ?
- ☞ Khía cạnh kinh tế của bảo hộ quyền SHTT ? (Economic aspects of IPRs)



Lê Thị Thu Hà - FTU

6

- Theme in IP, chapter 1
- Maskus, Keith E. and Jerome H. Reichman, "The Globalization of Private Knowledge Goods and the Privatization of Global Public Goods," *Journal of International Economic Law*, Vol. 7, No. 2, pp. 279-320.
- Mazzoleni R. and Nelson R. "Economic theories about the benefits and costs of patents"
- Frederick M. Abbott, *Intellectual Property Rights in World Trade in RESEARCH HANDBOOK IN INTERNATIONAL ECONOMIC LAW*, pages 151-175 (A. Guzman & A. Sykes) (Edward Elgar 2007)



Khái niệm, đặc điểm và bản chất của QSHTT



Một số khái niệm

- Tài sản trí tuệ
- Sở hữu trí tuệ
- Quyền Sở hữu trí tuệ
- Bảo vệ quyền Sở hữu trí tuệ
- Bảo hộ quyền Sở hữu trí tuệ



Khái niệm quyền SHTT

Quyền SHTT gồm những quyền liên quan tới

- Các tác phẩm văn học nghệ thuật và khoa học;
- Biểu diễn nghệ thuật, phát thanh, ghi âm, truyền hình;
- Các sáng chế trong mọi lĩnh vực đời sống
- Các phát minh khoa học**
- Kiểu dáng công nghiệp
- Nhãn hiệu hàng hoá, nhãn hiệu dịch vụ, tên thương mại và các chỉ dẫn
- Bảo hộ chống cạnh tranh không lành mạng

(Công ước thành lập WIPO 1967)



Khái niệm quyền SHTT

Hiệp định TRIPs:

- Bản quyền và các quyền liên quan
- Nhãn hiệu
- Chỉ dẫn địa lý
- Kiểu dáng công nghiệp
- Sáng chế
- Thiết kế bố trí (topograph) mạch tích hợp
- Bảo hộ thông tin bí mật

Phát minh khoa học là đối tượng SHTT ?



Luật Sở hữu trí tuệ 2005

Quyền sở hữu trí tuệ là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng

quyền tác giả và
quyền liên quan

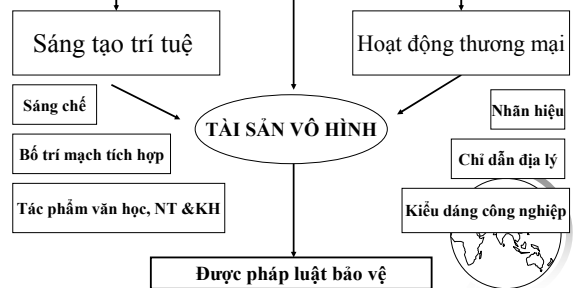
quyền sở hữu
công nghiệp

quyền đối với
giống cây trồng



Điều 4.

Quyền sở hữu trí tuệ





Đặc điểm của quyền SHTT

- Tính lãnh thổ
- Tính vô hình
- Tính độc quyền

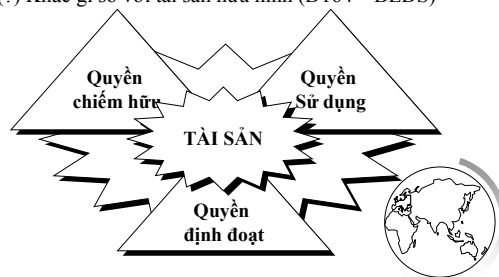


Lê Thị Thu Hà - FTU

13

Tài sản vô hình

Không nhìn thấy, có giá trị bằng tiền và có thể trao đổi
(?) Khác gì so với tài sản hữu hình (Đ164 – BLDS)



Lê Thị Thu Hà - FTU

14

Bảo hộ có mục đích:
thúc đẩy hoạt động
sáng tạo



Độc quyền

Bảo hộ chọn lọc:
Nhà nước đề ra các tiêu
chuẩn bảo hộ dựa trên
nguyên tắc cân bằng lợi ích
của chủ sở hữu và của cộng
đồng

Bảo hộ có thời hạn

Bảo hộ có điều kiện:
không đi ngược lại lợi ích
xã hội hoặc ngăn cản sự tiếp
cận của các chủ thể khác

Lê Thị Thu Hà - FTU

15

Bản chất của quyền SHTT

- Quyền đối với các đối tượng SHTT chứ không phải các đối tượng đó
- Sáng tạo trí tuệ là vô hình nhưng hình thức thể hiện là hữu hình
- Các đối tượng SHTT chỉ là hình thức thể hiện của sáng tạo trí tuệ chứ không phải là sáng tạo



Lê Thị Thu Hà - FTU

16

Luật Sở hữu trí tuệ 2005

Quyền sở hữu trí tuệ là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng

quyền tác giả và
quyền liên quan

quyền sở hữu
công nghiệp

quyền đối với
giống cây trồng

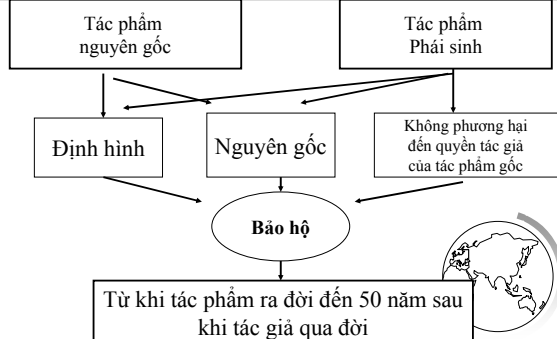


Điều 4.

Lê Thị Thu Hà - FTU

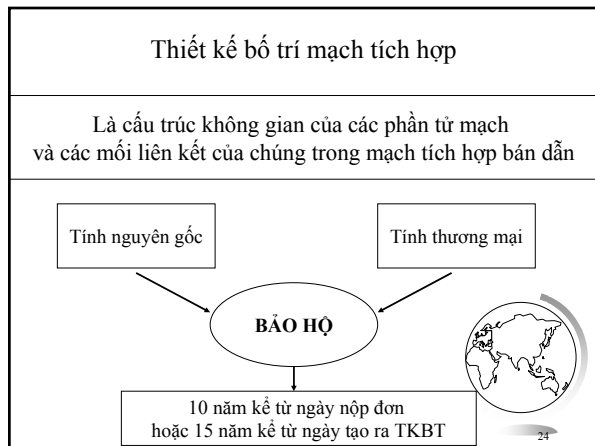
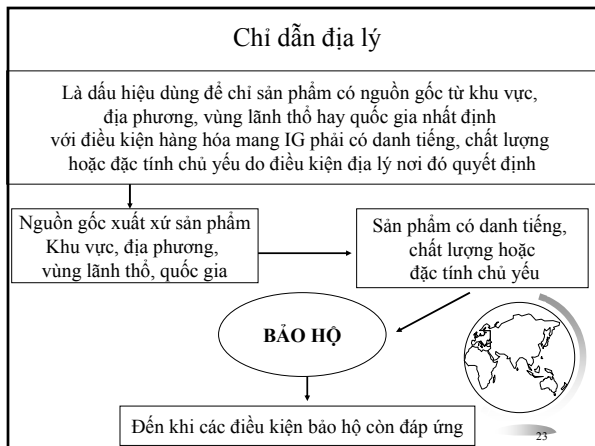
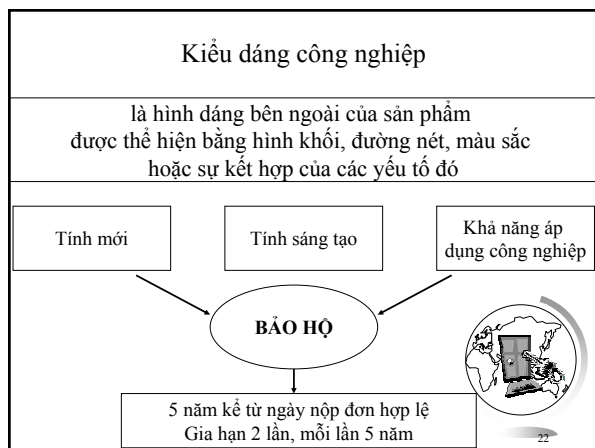
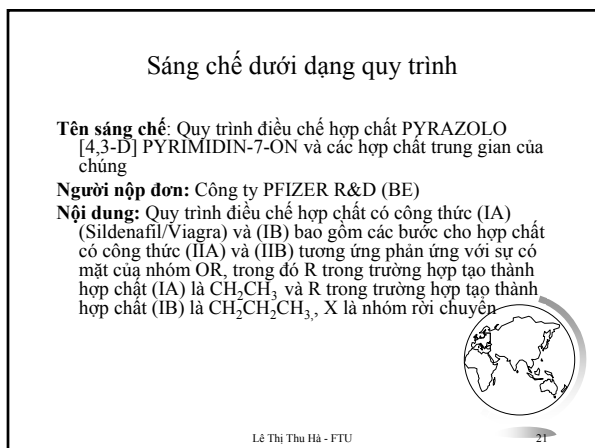
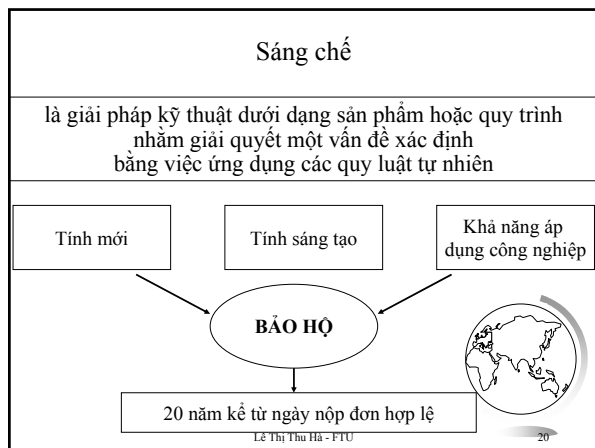
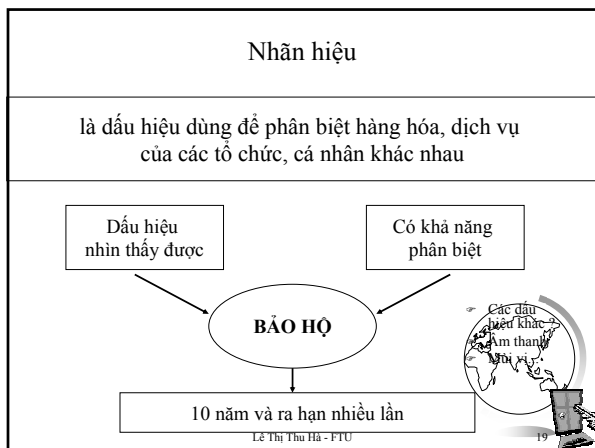
17

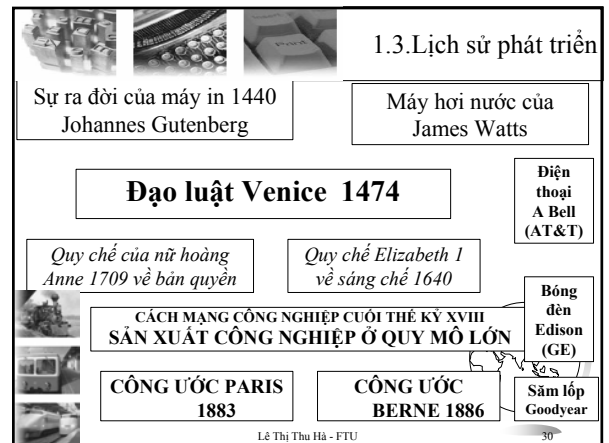
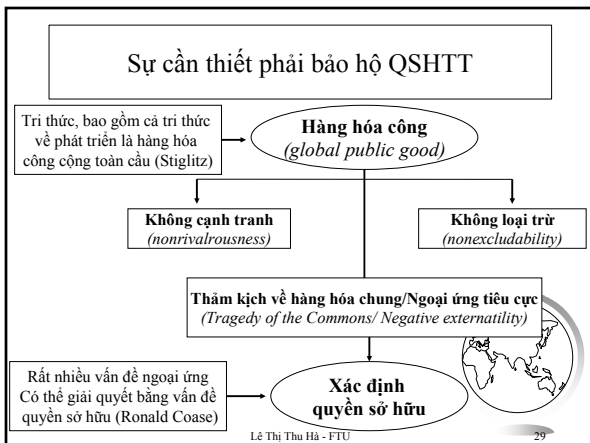
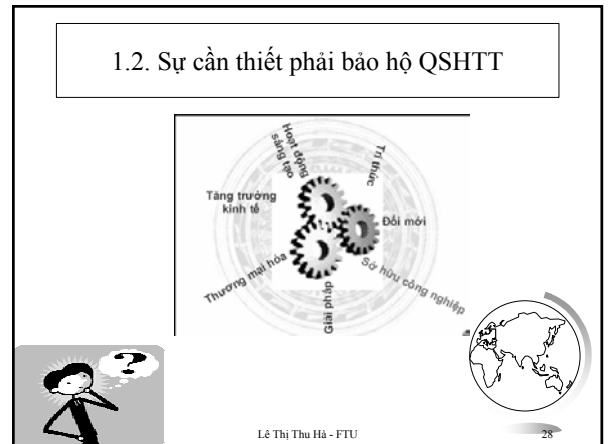
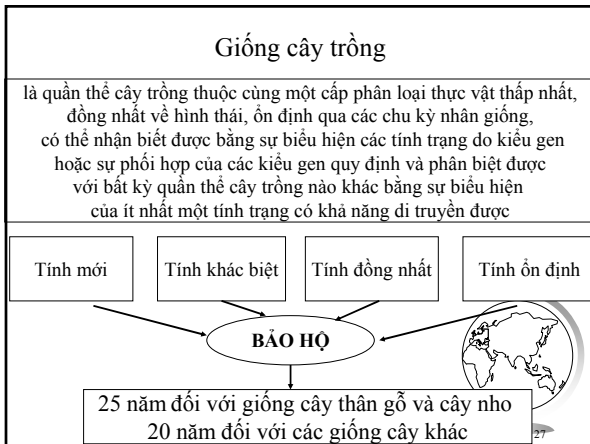
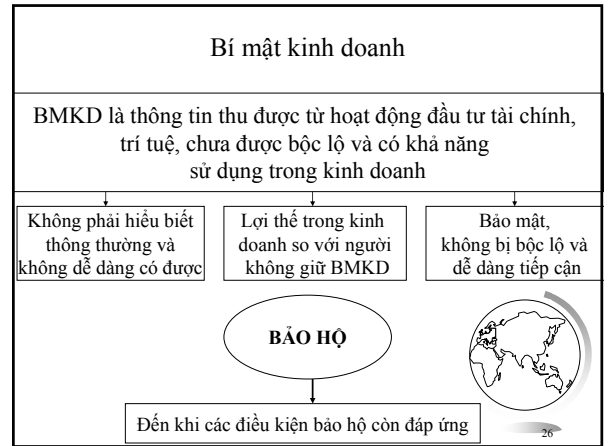
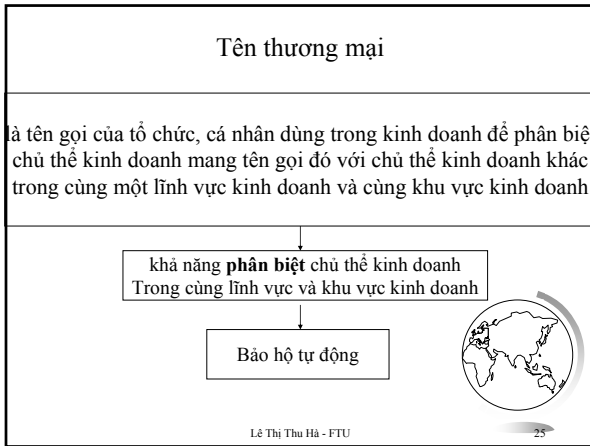
Quyền tác giả và quyền liên quan



Lê Thị Thu Hà - FTU

18





1.4.Vai trò của quyền SHTT (1)

Tác động tích cực



Tác động tiêu cực

- Thúc đẩy hoạt động sáng tạo
- Ghi nhận quyền đối với người sáng tạo
- Tạo nguồn thông tin quan trọng
- Phát triển văn hoá, thương mại
- Là công cụ quan trọng trong chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và kinh tế của các quốc gia

- Khả năng tiếp cận với nguồn thông tin bị hạn chế
- Giá hàng hóa cao
- Lạm dụng dẫn đến độc quyền
- Bóp méo thương mại
- Tăng khoảng cách giàu nghèo giữa các quốc gia

1.5.Hệ thống pháp luật SHTT

- Hiệp ước quốc tế của WIPO: 24
- Hiệp ước quốc tế của WTO: TRIPS
- Các hiệp định song phương và khu vực về SHTT
- Luật quốc gia:
 - Civil law
 - Common law



IP Protection

Global Protection System

Classification

- Berne Convention
- Brussels Convention
- Madrid Agreement (Indications of Source)
- Nairobi Treaty
- Paris Convention
- Patent Law Treaty
- Phonograms Convention
- Rome Convention
- Singapore Treaty on the Law of Trademarks
- Trademark Law Treaty
- Washington Treaty
- WCT
- WPPT

- Budapest Treaty
- Hague Agreement
- Lisbon Agreement
- Madrid Agreement (Marks)
- Madrid Protocol
- PCT

- Locarno Agreement
- Nice Agreement
- Strasbourg



Công ước quốc tế về SHTT

I. Công ước thành lập WIPO

- Công ước Berne về bảo vệ các tác phẩm văn học nghệ thuật và khoa học (2004)
- Công ước Rome về bảo vệ người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, các chương trình phát sóng (1/3/2007)
- Công ước Genève về bảo hộ người biểu diễn và nhà sản xuất bản ghi âm (6/7/2005)
- Công ước Brussel liên quan đến việc phân phối tín hiệu mang chương trình truyền qua vệ tinh (12/1/2006)
- Hiệp ước của WIPO về quyền tác giả
- Hiệp ước của WIPO về biểu diễn và bản ghi âm



Công ước quốc tế về SHTT

- Công ước Paris 1883 về bảo hộ quyền SHCN
- Thỏa ước và Nghị định thư Madrid về đăng ký quốc tế nhãn hiệu
- Hiệp ước hợp tác sáng chế (PCT)
- và Hiệp ước về bảo hộ quyền SHTT đối với mạch tích hợp
- Công ước UPOV về bảo hộ giống cây trồng



Công ước Paris

- ☞ Các đối tượng sở hữu công nghiệp
- ☞ Sáng chế, mẫu hữu ích
- ☞ Nhãn hiệu
- ☞ Kiểu dáng công nghiệp
- ☞ Tên thương mại, chỉ dẫn địa lý (chỉ dẫn nguồn gốc và tên gọi xuất xứ)
- ☞ Chống cạnh tranh không lành mạnh.



Nội dung Công ước Paris

- Nguyên tắc đối xử quốc gia
- Quyền ưu tiên
- Một số nguyên tắc chung đối với hệ thống bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp mà các nước thành viên phải tuân thủ
- Các quy định về hành chính phục vụ cho việc thi hành Công ước.



Lê Thị Thu Hà - FTU

37

Nguyên tắc đối xử quốc gia

- Mỗi nước thành viên phải dành cho công dân của các nước thành viên khác sự bảo hộ tương tự như sự bảo hộ dành cho công dân của mình.
- Dành cho công dân của những nước không phải là thành viên nếu họ **cư trú** hoặc nếu họ **có cơ sở kinh doanh** tại một nước thành viên



Lê Thị Thu Hà - FTU

38

Quyền ưu tiên

- Đối với sáng chế, mẫu hữu ích, nhãn hiệu và kiểu dáng công nghiệp:
- Trên cơ sở một đơn hợp lệ đầu tiên đã được nộp tại một trong số các nước thành viên, trong thời hạn **12 tháng đối với sáng chế và mẫu hữu ích, 6 tháng đối với nhãn hiệu và kiểu dáng công nghiệp**
- - Người nộp đơn có thể nộp đơn yêu cầu bảo hộ tại bất cứ nước thành viên nào khác và các đơn nộp sau sẽ được coi như đã được nộp vào **cùng ngày** với ngày nộp đơn đầu tiên
- - Việc rút hoặc từ chối đơn đầu tiên không làm mất khả năng được hưởng quyền ưu tiên của người nộp đơn.



Lê Thị Thu Hà - FTU

39

Nguyên tắc bảo hộ độc lập

- Một nước thành viên cấp văn bằng bảo hộ cho một đối tượng thì không bắt buộc các nước thành viên khác cũng phải cấp VBBH cho chính đối tượng đó
- Không thể từ chối cấp, hủy bỏ hoặc đình chỉ hiệu lực một VBBH ở bất cứ nước thành viên nào với lý do VBBH đối tượng đó bị từ chối cấp, đình chỉ hoặc hủy bỏ hiệu lực ở bất cứ một nước thành viên khác.



Lê Thị Thu Hà - FTU

40

Công ước Berne

- Công ước Berne về bảo hộ các tác phẩm văn học, nghệ thuật
- Bảo hộ các tác phẩm văn học
- Gồm 38 điều
- Phụ lục 6 điều dành cho các nước đang phát triển
- Ký tại Berne ngày 9.9.1886
- Đã sửa nhiều lần
- Mọi quốc gia có thể trở thành thành viên
- Việt Nam là thành viên từ 2004



Lê Thị Thu Hà - FTU

41

Nguyên tắc đối xử quốc gia

- Bảo hộ tác phẩm có nguồn gốc từ quốc gia thành viên tương tự như bảo hộ tác phẩm của công dân chính quốc



Lê Thị Thu Hà - FTU

42

Nguyên tắc bảo hộ tự động

- Quyền tác giả được phát sinh ngay khi tác phẩm được định hình dưới hình thức vật chất nhất định
- Không phụ thuộc vào bất kỳ thủ tục nào như: đăng ký, nộp lưu chiểu... (kể cả việc công bố tác phẩm, tuy nhiên loại trừ trường hợp tác giả không là công dân của QG thành viên)



Lê Thị Thu Hà - FTU

43

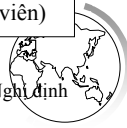
Thỏa ước và Nghị định thư Madrid

Hệ thống Madrid
(78 thành viên)

Thỏa ước Madrid
(65 thành viên)

Nghị định thư Madrid
(68 thành viên)

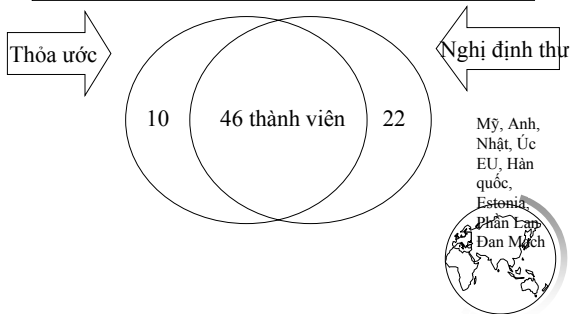
- Hiện có 78 quốc gia thành viên,
- Việt Nam tham gia Thỏa ước từ 08.3.1949 và Nghị định thư từ 2007



Lê Thị Thu Hà - FTU

44

Thỏa ước và Nghị định thư Madrid



Lê Thị Thu Hà - FTU

45

Nội dung cơ bản

- Chủ sở hữu nhãn hiệu của một quốc gia thành viên có thể yêu cầu bảo hộ nhãn hiệu của mình ở một hoặc tất cả các quốc gia thành viên khác
- Với 01 đơn đăng ký duy nhất để thực hiện đăng ký riêng biệt tại các nước thành viên
- Chợ WIPO thông qua cơ quan sở hữu công nghiệp quốc gia
- Không tạo nên một đăng ký duy nhất có hiệu lực đối với tất cả các nước thành viên



Lê Thị Thu Hà - FTU

46

Thỏa ước và Nghị định thư

	Thỏa ước	Nghị định thư
Cơ sở	Đã đăng ký tại nước xuất xứ	Chỉ cần đã nộp đơn tại nước xuất xứ
Ngôn ngữ	Pháp	Anh hoặc Pháp
Thời gian trả lời	12 tháng	18 tháng
Lệ phí	Theo quy định chung quốc tế	Theo quy định mỗi nước
Đăng ký gốc mất HL	Đăng ký quốc tế tự động mất hiệu lực	Chuyển thành đơn nộp quốc gia được giữ nguyên ngày ưu tiên
Thời hạn BH	20 năm, có thể gia hạn tiếp	10 năm, có thể gia hạn tiếp

Lê Thị Thu Hà - FTU

47

Ưu điểm của hệ thống Madrid

- Tiết kiệm chi phí (lệ phí cơ bản 653FrS (nhân đơn trắng) và 903FrS (nhân màu); lệ phí chi định mỗi nước 73FrS)
- Thủ tục đơn giản
- Ngôn ngữ thống nhất
- Ngày đăng ký thống nhất ở tất cả các quốc gia chi định
- Không cần dịch vụ đại diện SHTT



Lê Thị Thu Hà - FTU

48

Bảo hộ nhãn hiệu tại quốc gia chỉ định

- Trong vòng 12 tháng kể từ ngày nhận được Thông báo của Văn phòng quốc tế, cơ quan SHCN quốc gia chỉ định phải xét nghiệm nội dung
- Ra kết luận: về khả năng bảo hộ
- Nếu không bảo hộ hoặc từ chối từng phần thì phải thông báo cho người nộp đơn **thông qua** văn phòng quốc tế
- Nếu hết thời hạn quy định mà không có thông báo thì nhãn hiệu **mặc nhiên** được bảo hộ tại quốc gia đó



Lê Thị Thu Hà - FTU

49

Thời hạn bảo hộ

- Hiệu lực: 10 năm
- Gia hạn liên tục cho mỗi 10 năm tiếp theo
- Trong vòng 6 tháng trước ngày đăng ký hết hiệu lực, chủ sở hữu phải nộp đơn xin gia hạn thông qua Cục SHTT



Lê Thị Thu Hà - FTU

50

Patent Cooperation Treaty

- PCT ra đời nhằm khắc phục những nhược điểm của hệ thống sáng chế quốc gia
- Hiệp ước Hợp tác Patent hay còn gọi là "PCT" có hiệu lực từ ngày 24 tháng 1 năm 1978 và đi vào hoạt động từ ngày 1 tháng 6 năm 1978 với 18 nước thành viên ban đầu
- PCT là một thoả thuận đặc biệt theo Công ước Paris, chỉ cho phép các quốc gia là thành viên của Công ước Paris tham gia.



Lê Thị Thu Hà - FTU

51

Đăng ký sáng chế theo PCT

- Tiết kiệm chi phí
- Thủ tục đơn giản: 1 đơn đăng ký nhiều nước
- Đơn được làm bằng ngôn ngữ của nước nhận đơn hoặc ngôn ngữ mà nước đó chấp nhận (phải ghi rõ yêu cầu được hưởng quyền ưu tiên theo PC)
- Không được nộp đơn trực tiếp cho cơ quan quốc gia về patent của nước sở tại
- Thông qua đại diện SHCN tại nước sở tại
- Quyền ưu tiên là 12 tháng kể từ ngày đơn được chấp nhận hợp lệ



Lê Thị Thu Hà - FTU

52

Hiệp định TRIPS

- Tại vòng đàm phán Uruguay của Hiệp định chung về Thuế quan và Mậu dịch (GATT) sáng lập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).
- Ký kết Hiệp định thương mại về Quyền Sở hữu Trí tuệ (TRIPS) năm 1994.



Lê Thị Thu Hà - FTU

53

Hiệp định TRIPS

- Hiệp định duy nhất thực sự mang tính quốc tế đã đưa ra các chuẩn mực tối thiểu về bảo hộ SHTT
- Hiệp định đầu tiên về SHTT có những quy định cụ thể về trách nhiệm dân sự, hình sự và bảo vệ biên giới;
- Hiệp định quốc tế đầu tiên về SHTT được áp dụng để giải quyết tranh chấp.
- Là hiệp ước đa phương mang tính bắt buộc của WTO



Lê Thị Thu Hà - FTU

54

Nguyên tắc áp dụng

- ☞ Quy chế đối xử quốc gia
- ☞ Quy chế tối huệ quốc



Lê Thị Thu Hà - FTU

55

Những hạn chế và ngoại lệ

- ☞ TRIPS nêu cụ thể những hạn chế và ngoại lệ có thể chấp nhận nhằm hài hòa lợi ích sở hữu trí tuệ với lợi ích trong những lĩnh vực khác
- ☞ Ví dụ như sức khỏe cộng đồng và phát triển kinh tế.



Lê Thị Thu Hà - FTU

56

Thời điểm thực thi

- Các nước phát triển: 1/1/1996.
- Các quốc gia đang phát triển và những thành viên đang trong thời kỳ quá độ sang kinh tế thị trường được phép lùi ngày thực hiện đến 1/1/2000.
- Các nước kém phát triển: 1/1/2006, và có khả năng được kéo dài thời hạn nếu có yêu cầu.
- Các quốc gia kém phát triển được gia hạn thêm 10 năm để thực thi các quy định về bảo hộ “sáng chế” và “bí mật thương mại” đối với dược phẩm. (Tuyên bố Doha 2001)



Lê Thị Thu Hà - FTU

57

Các hiệp định khu vực về SHTT

- ☞ Hiệp định khung ASEAN về SHTT (ASEAN framework Agreement on IP)
- ☞ Tổ chức SHTT Châu Phi (Africa IPO)



Lê Thị Thu Hà - FTU

58

PHÁP LUẬT QUỐC GIA VỀ SHTT

HIẾN PHÁP 1992

Công dân có quyền nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, phát minh, sáng chế, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất, sáng tác, phê bình văn học, nghệ thuật và tham gia các hoạt động văn hoá khác. Nhà nước bảo hộ quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp. (A60)

BỘ LUẬT DÂN SỰ 2005

PHẦN 6: QUYỀN SHTT VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

(Chương 34, 35 và 36)

PHẦN 7: QUAN HỆ DÂN SỰ CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI

LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ 2005

6 PHẦN, 18 CHƯƠNG, 222 ĐIỀU

Các nghị định của Chính phủ

Thông tư của Bộ, quy định của UBND tỉnh, thành phố

Lê Thị Thu Hà - FTU

59

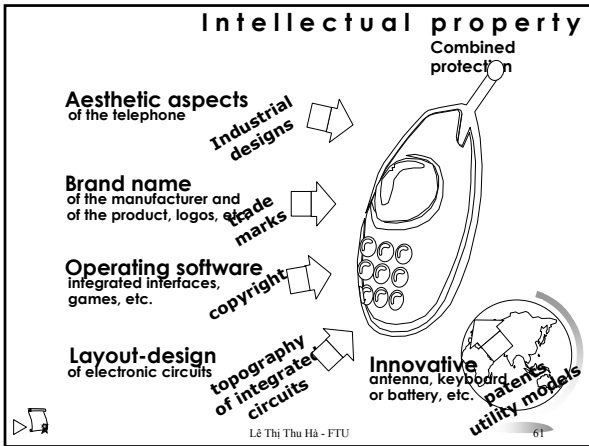
Nguyên tắc áp dụng

1. Trong trường hợp có những vấn đề dân sự liên quan đến sở hữu trí tuệ không được quy định trong Luật này thì áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự.
2. Trong trường hợp có sự khác nhau giữa quy định về sở hữu trí tuệ của Luật này với quy định của luật khác thì áp dụng quy định của Luật này.
3. Trong trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Luật này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.



Lê Thị Thu Hà - FTU

60



Cảm ơn sự quan tâm theo dõi !

Email: ha.le@ftu.edu.vn
Tel: 0912311178

Lê Thị Thu Hà - FTU

62